

Số: 54/2024/TB-NIC

Nhon Trach, ngày 27 tháng 9 năm 2024

THÔNG BÁO

Về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản

Căn cứ Điều 56 Luật đấu giá tài sản năm 2016 quy định về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản;

Căn cứ Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐQT ngày 27/9/2024 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Nhơn Trạch về việc đấu giá quyền sử dụng đất;

Căn cứ Chứng Thư Thẩm Định giá tài sản số 058/2024/67/CTTDG-EOI ngày 16/9/2024 của Công ty TNHH Thẩm định giá và Tư vấn EOI – Việt Nam.

Công ty Cổ phần Đầu tư Nhơn Trạch thông báo việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản các loại tài sản như sau:

1. Cơ quan có tài sản đấu giá: Công ty Cổ phần Đầu tư Nhơn Trạch

Địa chỉ: Đường số 7 Khu đô thị Đông Sài Gòn, xã Long Tân, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

2. Loại tài sản đấu giá: 23 quyền sử dụng đất tại xã Phước Thiện, xã Long Tân, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai; cụ thể:

TT	Số thửa	Số tờ bản đồ	Xã	Diện tích (m ²)			Tổng
				Đất trồng lúa nước	Đất trồng cây lâu năm	Đất nuôi trồng thủy sản	
01	161	1	Phước Thiện	9.794			9.794
02	50	2	Phước Thiện	5.938			5.938
03	51	2	Phước Thiện	950			950
04	102	2	Phước Thiện	1.174			1.174
05	103	2	Phước Thiện	3.972			3.972
06	44	2	Phước Thiện	2.690			2.690
07	116	2	Phước Thiện	5.061			5.061

TT	Số thửa	Số tờ bản đồ	Xã	Diện tích (m ²)			Tổng
				Đất trồng lúa nước	Đất trồng cây lâu năm	Đất nuôi trồng thủy sản	
08	172	2	Phước Thiện	8.754			8.754
09	106	2	Phước Thiện	1.736			1.736
10	93	2	Phước Thiện	5.112			5.112
11	136	2	Phước Thiện	4.412			4.412
12	34	2	Phước Thiện	6.024			6.024
13	154	2	Phước Thiện	1.860			1.860
14	35	2	Phước Thiện			402	402
15	121	5	Long Tân	12.131			12.131
16	352	5	Long Tân	3.554			3.554
17	120	5	Long Tân	9.214			9.214
18	67	5	Long Tân	7.930			7.930
19	68	5	Long Tân	5.760			5.760
20	296	5	Long Tân	10.806			10.806
21	70	5	Long Tân	6.751			6.751
22	122	5	Long Tân	1.424	219		1.643
23	170	5	Long Tân	1.087	610		1.697
	TC			116.134	829	402	117.365



3. Giá khởi điểm: 88.000.000.000 đồng (Tám mươi tám tỉ đồng).

4. Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá:

Tất cả các đơn vị tổ chức đấu giá có đầy đủ năng lực, điều kiện đáp ứng các tiêu chí tại khoản 04 Điều 56 Luật Đấu giá tài sản năm 2016 và Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022

Bảng tiêu chí đánh giá, chấm điểm tổ chức đấu giá tài sản (kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Trưởng Bộ Tư pháp).

Stt	Nội dung	Mức tối đa
I	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	23,0

Stt	Nội dung	Mức tối đa
1	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	11,0
1.1	Có trụ sở ổn định, địa chỉ rõ ràng kèm theo thông tin liên hệ (số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử...)	6,0
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá được bố trí ở vị trí công khai, thuận tiện	5,0
2	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	8,0
2.1	Có máy in, máy vi tính, máy chiếu, thùng đựng phiếu trả giá bảo đảm an toàn, bảo mật và các phương tiện khác bảo đảm cho việc đấu giá	4,0
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá; nơi tổ chức cuộc đấu giá	4,0
3	Có trang thông tin điện tử đang hoạt động	2,0
4	Đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến	1,0
5	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1,0
II	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	22,0
1	Phương án đấu giá đề xuất việc tổ chức đấu giá đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tính công khai, minh bạch, khách quan	4,0
2	Phương án đấu giá đề xuất thời gian, địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá, buổi công bố giá thuận lợi cho người tham gia đấu giá; hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	4,0
3	Phương án đấu giá đề xuất cách thức bảo mật thông tin, chống thông đồng, dìm giá	4,0
4	Phương án đấu giá đề xuất thêm các địa điểm, hình thức niêm yết, thông báo công khai khác nhằm tăng mức độ phổ biến thông tin đấu giá	4,0
5	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh trật tự cho việc tổ chức thực hiện đấu giá	3,0
6	Phương án đấu giá đề xuất các giải pháp giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá	3,0

4267
TƯ
AN
Ư
ẠCH
ĐỒNG

Stt	Nội dung	Mức tối đa
III	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản	45,0
1	<i>Trong năm trước liền kề đã thực hiện hợp đồng dịch vụ đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1.1, 1.2, 1.3, 1.4 hoặc 1.5</i>	6,0
1.1	Dưới 03 hợp đồng (bao gồm trường hợp không thực hiện hợp đồng nào)	2,0
1.2	Từ 03 hợp đồng đến dưới 10 hợp đồng	3,0
1.3	Từ 10 hợp đồng đến dưới 20 hợp đồng	4,0
1.4	Từ 20 hợp đồng đến dưới 30 hợp đồng	5,0
1.5	Từ 30 hợp đồng trở lên	6,0
2	<i>Trong năm trước liền kề đã tổ chức đấu giá thành các cuộc đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá có mức chênh lệch trung bình giữa giá trúng đấu giá so với giá khởi điểm (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 2.1, 2.2, 2.3, 2.4 hoặc 2.5</i>	18,0
2.1	Dưới 20% (bao gồm trường hợp không có chênh lệch)	10,0
2.2	Từ 20% đến dưới 40%	12,0
2.3	Từ 40% đến dưới 70%	14,0
2.4	Từ 70% đến dưới 100%	16,0
2.5	Từ 100% trở lên	18,0
3	<i>Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 3.1, 3.2 hoặc 3.3</i>	5,0
3.1	Dưới 03 năm	3,0
3.2	Từ 03 năm đến dưới 05 năm	4,0

Stt	Nội dung	Mức tối đa
3.3	Từ 05 năm trở lên	5,0
4	<i>So lượng đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản</i> <i>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 4.1, 4.2 hoặc 4.3</i>	3,0
4.1	01 đấu giá viên	1,0
4.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	2,0
4.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	3,0
5	<i>Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản)</i> <i>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 5.1, 5.2 hoặc 5.3</i>	4,0
5.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	2,0
5.2	Từ 01 đến 02 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	3,0
5.3	Từ 03 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	4,0
6	<i>Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc đóng góp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng</i> <i>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 6.1, 6.2, 6.3 hoặc 6.4</i>	5,0
6.1	Dưới 50 triệu đồng	2,0
6.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	3,0
6.3	Từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng	4,0
6.4	Từ 200 triệu đồng trở lên	5,0
7	<i>Đội ngũ nhân viên làm việc theo hợp đồng lao động</i> <i>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 7.1 hoặc 7.2</i>	3,0
7.1	Dưới 03 nhân viên (bao gồm trường hợp không có nhân viên nào)	2,0
7.2	Từ 03 nhân viên trở lên	3,0

38001
CỘNG
HÒA
ĐỊ
NH
ON TR

Stt	Nội dung	Mức tối đa
8	Có người tập sự hành nghề trong tổ chức đấu giá tài sản trong năm trước liền kề hoặc năm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn	1,0
IV	Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1, 2 hoặc 3	5,0
1	Bảng mức thù lao dịch vụ đấu giá theo quy định của Bộ Tài chính	3,0
2	Giảm dưới 20% mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)	4,0
3	Giảm từ 20% trở lên mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)	5,0
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định	5,0
1	Tổ chức đấu giá Nhà nước	2,0
2	Có thành tích trong hoạt động đấu giá được Cơ quan Nhà nước từ cấp tỉnh trở lên khen thưởng	3,0
Tổng số điểm		100
VI	Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	
1	Có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện
2	Không có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không đủ điều kiện

5. Thời hạn, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản:

- Thời hạn nộp hồ sơ (bản cứng): từ 08 giờ 00 phút ngày 30/9/2024 đến 16 giờ 00 phút ngày 02/10/2024.
- Hình thức nộp hồ sơ:
 - + Nộp trực tiếp, người đến nộp phải mang theo Giấy giới thiệu và Căn cước công dân còn giá trị.

+ Nộp qua đường bưu điện (Hồ sơ gửi đến Công ty Cổ phần Đầu tư Nhơn Trạch sau thời hạn trên sẽ không được tham gia lựa chọn).

- Địa điểm nộp hồ sơ *(trong giờ hành chính)*

+ Công ty Cổ phần Đầu tư Nhơn Trạch

+ Đường số 7 Khu đô thị Đông Sài Gòn, xã Long Tân, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

+ Nhân viên tiếp nhận hồ sơ: chị Lê Thị Thúy

+ Số điện thoại: 0978 22 73 98 hoặc 0251.3561462

(Chú ý: không hoàn trả hồ sơ đối với các hồ sơ không được Công ty Cổ phần Đầu tư Nhơn Trạch lựa chọn).

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Niêm yết tại cơ quan;
- Cổng thông tin điện tử quốc gia về đấu giá tài sản (đăng thông tin);
- Lưu: VT



TỔNG GIÁM ĐỐC



Hoàng Sỹ Quyết

